

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐL
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 7 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Bình

2. Bà Lê Thị Kiều Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021; về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXX - ST ngày 23 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thanh L, sinh năm 1984; Nơi thường trú: đường Đình Bộ Lĩnh, tổ 1, khu phố 3, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú hiện nay: Đường số 7, thôn 6, xã ĐT1, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1981; Nơi thường trú: đường Đình Bộ Lĩnh, tổ 1, khu phố 3, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú hiện nay: Đường số 7, thôn 6, xã ĐT1, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn-có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn-không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Võ Thị Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh L, anh Nguyễn Tấn H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện ĐL. Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị L, anh H hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm đến chị L và các con. Bản thân chị L đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi. Thời gian gần đây anh H còn nghi ngờ, ghen tuông chị L có quan hệ với người khác. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng thiếu tin tưởng và chia sẻ lẫn nhau nên vào tháng 5/2021 chị L đã bỏ đi ra ở trọ, cũng kể từ đó chị L, anh H sống ly thân cho đến nay, từ đó vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị L không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị L, anh H có hai người con chung là Nguyễn Tấn Minh H1, sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 29/10/2009. Hiện cháu H1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên khi ly hôn chị L không có yêu cầu gì, đối với cháu H2 khi ly hôn cháu có nguyện vọng ở với ai thì chị L tôn trọng ý kiến của con. Trường hợp cháu H2 ở với chị thì chị đồng ý và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn H:

Sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn anh Nguyễn Tấn H không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Võ Thị Thanh L và anh Nguyễn Tấn H (bút lục số 39) thể hiện hiện:

Anh Nguyễn Tấn H, chị Võ Thị Thanh L có hai người con chung là Nguyễn Tấn Minh H1 và Nguyễn Khánh H2. Trước đây chị L, anh H chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, thỉnh thoảng trong cuộc sống anh H có uống rượu kiếm chuyện gây gổ, chửi bới chị L. Cách đây khoảng một tháng do ghen tuông với chị L nên anh H uống rượu vào chửi bới, xúc phạm chị L, nên chị L đã bỏ nhà ra ở trọ, khi đi dẫn theo cháu H2, cũng kể từ đó chị L, anh H sống ly thân với nhau và không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay anh H đang sinh

sống tại thôn 6, xã ĐT1, huyện ĐL cùng cháu H1. Bản thân anh H làm nghề cạo mủ cao su và làm ruộng, ngoài ra không có nghề nghiệp gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị L được ly hôn với anh H và giao con chung Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 29/10/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng trong vụ án:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Tấn H có nơi cư trú tại đường số 7, thôn 6, xã ĐT1, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Võ Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về quyền nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Tấn H nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị đơn anh Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Võ Thị Thanh L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy

định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[1.4] Về việc áp dụng án lệ: Sau khi ra soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nH1 dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Thanh L, anh Nguyễn Tấn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 09/01/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện DL số 04/2002, quyển số 01 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị L, anh H chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thỉnh thoảng uống rượu, kiếm chuyện gây gổ, chửi bới chị L. Ngoài ra anh H còn ghen tuông nghi ngờ chị L có quan hệ bất chính với người khác. Từ đó, vợ chồng thiếu tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau. Bản thân chị L đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nên chị L anh H đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Do đó, chị L có nguyện vọng được ly hôn với anh H. Bản thân anh H, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không tham gia, cũng không có ý kiến gửi Tòa án, để Tòa án hòa giải đoàn tụ. Điều đó, thể hiện tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã kéo dài, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xem xét xử cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Chị L, anh H có 02 người con chung là Nguyễn Tấn Minh H1, sinh ngày 29/11/2001 và Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 29/10/2009, quá trình làm việc chị L trình bày hiện cháu H1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không có yêu cầu gì, nên Tòa án án không xem xét. Đối với cháu H2 có nguyện vọng ở với ai thì chị tôn trọng, trong khi anh H không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản khai (bút lục số 40) có tại hồ sơ vụ án thể hiện cháu Nguyễn Khánh H2 có nguyện vọng ở với chị L. Ngoài ra bản tH1 cháu H2 là nữ. Đồng thời, kể từ khi chị L, anh H ly thân cho đến nay cháu H2 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao cháu H2 cho chị L trực

tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Tấn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Thanh L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Cần buộc chị Võ Thị Thanh L phải chịu án phí ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thanh L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 09 tháng 01 năm 2002, vào sổ số 04/2002, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện ĐL hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Võ Thị Thanh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Nguyễn Khánh H2, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2009.

Anh Nguyễn Tấn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Võ Thị Thanh L; Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị Võ Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005337, ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐL;
- UBND TTĐT, huyện ĐL;
- C.C Thi hành án DS.h. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Trường